

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH THỦY  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2020

V/v “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Thị Thùy Hương;**
- Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Huỳnh Văn Nhân;**

**Ông Nguyễn Việt Thành;**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Châu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà L, sinh năm 1972; Trú tại khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ; Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Q, sinh năm 1971; Trú tại khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ; Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1.Theo nội dung đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà L trình bày:

Ông bà tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 31/12/1997 tại Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Cần Thơ(cũ). Trong quá trình chung sống ông bà có hai con chung tên K(nam), sinh ngày 05/9/1999(Đã trưởng thành); T(nam), ngày 03/5/2006. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm và ông Q không biết chăm lo cho gia đình, gây cảnh nợ nần. Từ tháng 6/2018 ông bà đã sống ly thân với nhau đến nay mà không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà có yêu cầu trực tiếp nuôi con tên T và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Q trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của bà L về quá trình kết hôn và con chung. Về mâu thuẫn gia đình, theo ông Q mâu thuẫn gia đình phát sinh từ tháng 8/2019 nguyên nhân là do ông không tin tưởng bà L trong các mối quan hệ ngoài xã hội, không hòa thuận với gia đình bên bà L nên thường xảy ra bất đồng. Trong cuộc sống gia đình ông cũng có công đóng góp, chăm sóc gia đình bên bà L chứ không đúng như bà L trình bày. Bản thân ông không muốn ly hôn nên không đồng ý yêu cầu của bà L.

Về con chung: Ông đồng ý giao con T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà L vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông Q. Tuy nhiên bà không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nữa. Đối với ông Q thì ông kiên quyết không ly hôn và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ông và bà L ly thân 01 năm để ông bà suy nghĩ mới ly hôn. Ông Q đồng ý giao con cho bà L nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con theo ý kiến của bà L. Về tài sản chung: Bà L và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với ông Q. Cho nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn và nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại 10/10 khu vực 7, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Từ lời trình bày của bà L, ông Q và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Cuộc sống hôn nhân giữa bà L và ông Q xảy ra nhiều mâu thuẫn, xuất phát từ việc bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình, không tin tưởng nhau về lòng chung thủy trong đời sống vợ chồng. Ông bà đã sống ly thân nhau từ tháng 08/2019 đến nay nhưng các bên không thể giải tỏa mâu thuẫn. Tại phiên tòa bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng

với ông Q. Tòa án cũng đã cho các bên thời gian để hàn gắn tình cảm nhưng cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, hai bên không còn sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Phía ông Q cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm với bà L. Ông Q đề nghị Hội đồng xét xử chỉ giải quyết cho ông và bà L ly thân với nhau, tuy nhiên đây là trường hợp đương sự tự thỏa thuận và không thuộc pháp luật điều chỉnh nên Hội đồng xét xử không xem xét. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông Q không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được thuộc trường hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

**[2.2] Về con chung:**

Ông Q và bà L tự nguyện thỏa thuận: Giao con chung chưa thành niên tên T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Qua xem xét về quyền lợi mọi mặt của con chung thì bà L đủ điều kiện nuôi con tốt, sự thỏa thuận của ông bà cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử công nhận. Đồng thời đảm bảo cho ông Q quyền được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định tại các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà L không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với ông Q.

**[2.3] Về Tài sản chung, nợ chung:** Bà L và ông Q đều không yêu cầu giải quyết tài sản chung trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên:*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:*

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

\* Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với ông Q về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà L ly hôn với ông Q.

2. Về con chung: Công nhận thỏa thuận của ông Q và bà L là giao con chung tên T(nam), ngày 03/5/2006 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Không buộc ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Q, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000(Ba trăm nghìn) đồng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 004250 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án(Ngày 12/5/2020).

\*Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND quận Bình Thủy;
- Chi cục THA DS quận Bình Thủy;
- UBND P.B  
(nơi đk kết hôn-GCNKH 110, I/1997);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Lê Thị Thùy Hương**